

Bản án số: 66/2022/HS-ST  
Ngày: 16-12-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Vy;
- Bà Đào Kim Tuyền.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại Phòng xử án hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HS ngày 04/11/2022 đối với các bị cáo:

**1. Vi Cảnh V**, sinh ngày 09/02/1986, tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi thường trú: Tổ 05, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi tạm trú: Tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Cán bộ; chức vụ: Phó trưởng phòng T, huyện Y; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; là Đảng viên đảng CSVN sinh hoạt tại Chi bộ P huyện Y, bị khai trừ đảng theo Quyết định số 1158 /QĐ-UBKTHU ngày 28/7/2022 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy, huyện Y; con ông Vi Thành Í, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1961; có vợ là Triệu Thu H, sinh năm 1987 và 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 24/9/2021 đến ngày 20/4/2022 được áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh; có mặt.

**2. Phan Ngọc T**, sinh ngày 25/3/1974, tại huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi thường trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Cán bộ; chức vụ: Phó phòng K, huyện Y; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Bô Y; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; là Đảng viên đảng CSVN, sinh hoạt tại Chi bộ Phòng K huyện Y; bị khai trừ đảng theo Quyết định số 1163 - QĐ/UBKTHU ngày 28/7/2022 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy, huyện Y; con ông Phan Thanh T, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Cao Thị D, sinh năm 1939 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị A, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/7/2022; có mặt.

- **Bị hại:** UBND huyện Y, tỉnh Hà Giang.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đình D - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Y; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Nguyễn Quang S (Nguyễn Văn S); chức vụ: Trưởng phòng T huyện Y. Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Ông Cán Xuân H. Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Ông Hoàng Văn V; chức vụ: Đội trưởng đội C huyện Y. Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- **Những người tham gia tố tụng khác được Tòa án triệu tập:**

1. Ông Sùng Mí T - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Y. Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trần V - chức vụ: Thủ trưởng C, huyện Y. Địa chỉ: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. Ông Phan Hữu H - Chức vụ: Trưởng phòng T huyện Y, Chủ tịch HĐ định giá trong Tổ tụng hình sự. Địa chỉ: Tổ 04, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

4. Ông Văn Đình Hoàng A - Cán bộ, thành viên Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

5. Ông Ngô Văn N - Cán bộ Phòng K, thành viên Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự. Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Hà P - Cán bộ Đội Q; huyện Y; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Y M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/7/2020, Phòng Cảnh sát môi trường phối hợp với Công an huyện Y phát hiện ông Trịnh Văn Q – HKTT tại thôn H, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang, về hành vi khai thác khoáng sản trái phép (*đá vôi*); tang vật tạm giữ: Đá hộc có khối lượng = 2.474,7m<sup>3</sup>; phương tiện gồm: 01 xe ô tô tải ben và 01 máy xúc. Kết luận giám định số 06/KV0702020 của T, Công văn số 48/TĐC-TTKTTĐC của Chi Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Hà Giang xác định mẫu khoáng vật ký hiệu A là đá vôi (Canxit -CaCO<sub>3</sub> khoáng 92-94%; Kết luận số 10/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2020 về định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Y xác định: Tang vật 2.474,7 m<sup>3</sup> đá hộc có giá trị là **371.205.000 đồng** (*Ba trăm bảy mươi một triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*), phương tiện: 01 máy xúc và 01 xe ô tô tải ben có giá trị là 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*). Kết thúc điều tra, Cơ quan cảnh sát điều

tra (CSĐT) Công an huyện Y kết luận: Hành vi khai thác khoáng sản trái phép của ông Trịnh Văn Q không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự (*Do khoáng sản có giá trị dưới 500 triệu đồng*), ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Ngày 28/8/2020, Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tang vật, phương tiện đến Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Y để đề nghị xử lý vi phạm hành chính (VPHC) theo quy định của pháp luật.

Căn cứ báo cáo đề xuất của Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, UBND huyện Y giao cho Phòng T tiếp nhận, nghiên cứu đề xuất hình thức xử lý đối tượng vi phạm, kết quả nghiên cứu xác định vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh, do vậy UBND huyện Y chuyển hồ sơ vụ việc kèm theo Báo cáo số 952/BC-UBND ngày 10/9/2020 về việc đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định xử phạt VPHC đối với ông Trịnh Văn Q với nội dung: Phạt tiền, số tiền 45.000.000đ về hành vi khai thác khoáng sản trái phép; tịch thu tang vật vi phạm hành chính là 2.474,7m<sup>3</sup> đá vôi; đề nghị không áp dụng hình thức xử phạt bổ sung buộc ông Trịnh Văn Q phải nộp số tiền 240.000.000 đồng là số tiền tương đương giá trị phương tiện VPHC thuộc trường hợp phải tịch thu (*Vì các lý do: Trịnh Văn Q phối hợp tốt trong quá trình điều tra, có giấy chứng nhận hộ cận nghèo, ông Q bị bệnh hiểm nghèo viêm gan C mạn, gia đình ông Q có khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid - 19*). Căn cứ báo cáo đề xuất của UBND huyện Y, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 xử phạt VPHC đối với ông Trịnh Văn Q theo nội dung đề xuất của UBND huyện Y (*Không áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là buộc ông Trịnh Văn Q phải nộp vào NSNN số tiền tương đương giá trị phương tiện VPHC thuộc trường hợp pháp luật quy định phải tịch thu*), đồng thời giao cho UBND huyện Y có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang xử phạt VPHC đối với ông Trịnh Văn Q, Chủ tịch UBND huyện Y đã giao cho bị cáo Vi Cảnh V - Nguyên Phó trưởng Phòng T có trách nhiệm thực hiện quyết định và tham mưu xử lý tang vật tịch thu sung quỹ Nhà nước. Quá trình thực hiện tham mưu xử lý tang vật tịch thu sung quỹ nhà nước, do thời gian từ khi định giá tài sản theo tố tụng hình sự đến khi dự kiến bán đấu giá tài sản đã quá 60 ngày, theo quy định của pháp luật phải định giá lại để xác định giá khởi điểm của tài sản. Do vậy, ngày 28/10/2020, Vi Cảnh V đã tham mưu cho UBND huyện Y ban hành Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 về việc Thành lập Hội đồng định giá tài sản, thành phần Hội đồng gồm có: Bị cáo **Vi Cảnh V** - Nguyên Phó trưởng Phòng T - Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm: Bị cáo **Phan Ngọc T** - Nguyên Phó trưởng Phòng K, ông **Cán Xuân H** - Phó trưởng Phòng T, ông **Nguyễn Quang S** - Trưởng phòng T, ông **Hoàng Văn V** - Đội trưởng Đội C huyện Y. Kết quả định giá tài sản ngày 29/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản do bị cáo Vi Cảnh V làm Chủ tịch hội đồng kết luận: Tài sản là tang vật 2.474,7 m<sup>3</sup> đá hộc có giá trị là **150.707.200 đồng** (*Một trăm năm mươi triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, hai trăm đồng*). Trước đó, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Y đã định giá xác định tang vật 2.474,7 m<sup>3</sup> đá hộc (đá vôi) có giá trị là **371.205.000 đồng** (*Ba*

*trăm bảy một triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*). Sau khi định giá lại tài sản, bị cáo Vê đã tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Văn bản số 1088/UBND-TCKH ngày 30/10/2020 gửi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang để đăng ký hợp đồng bán đấu giá tài sản. Tuy nhiên, quá trình thực hiện nội dung đăng tải thông báo thông tin vụ việc bán đấu giá tài sản trên trang thông tin điện tử chuyên ngành của UBND huyện Y để kéo dài, dẫn đến tiếp tục quá thời hạn 60 ngày, do đó Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang có Công văn số 15/CV ngày 11/01/2021, về việc đề nghị UBND huyện Y hoàn thiện hồ sơ định giá lại tài sản theo quy định. Bị cáo Vi Cảnh V tiếp tục tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 15/01/2021, về việc Thành lập Hội đồng định giá tài sản với thành phần như Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 trước đó, đồng thời thay thế Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của UBND huyện Y. Tuy nhiên, quá trình thực hiện định giá lại tang vật VPHC bị thu giữ, bị cáo Vi Cảnh V đã không tổ chức họp Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật, mà tự xây dựng Biên bản họp định giá tài sản trên cơ sở nội dung Biên bản định giá ngày 29/10/2020 có giá trị **150.707.200 đồng**, sau đó mang biên bản đến cho từng thành viên ký biên bản định giá để hoàn thiện hồ sơ chuyển đến Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang để tổ chức bán đấu giá. Bị cáo Phan Ngọc T trong quá trình định giá đã không căn cứ vào kết quả giám định tang vật vi phạm là đá vôi (đá học), trực tiếp đưa ra phương pháp phân loại tang vật vi phạm là đá học 2.474,7 m<sup>3</sup> thành 03 loại tài sản không có căn cứ để hạ giá trị tài sản, trong đó: Loại đá học chiếm tỷ lệ 30% có khối lượng tương đương 742,4 m<sup>3</sup> x 150.000 đồng = 111.360.000 đồng, loại đá lớn hơn đá học chiếm tỷ lệ 30% có khối lượng tương đương 742,4 m<sup>3</sup> x 73.000 đồng = 54.195.200 đồng, loại đá dăm lẫn đất chiếm tỷ lệ 40% có khối lượng tương đương 989,9 m<sup>3</sup> = 0 đồng; tổng trị giá tang vật VPHC định giá lại là **150.707.200 đồng**.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản ngày 15/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y và hồ sơ; Trung tâm bán đấu giá của tỉnh đã tổ chức bán đấu giá tài sản VPHC để sung ngân sách Nhà nước, quá trình thông báo bán đấu giá có 02 cá nhân đăng ký tham gia đấu giá, gồm: Ông Trịnh Văn Q - Đối tượng vi phạm hành chính và ông Phạm Thanh D - Cán bộ Phòng TM&MT huyện Yên Minh; kết quả bán đấu giá ông Trịnh Văn Q là người trúng đấu giá tài sản với giá tiền là **160.000.000 đồng** (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), trong đó: Số tiền bán 2.474,7m<sup>3</sup> đá học là 153.576.000 đồng (*tăng 2.868.800 đồng so với giá của HDDGTS*); số tiền còn lại 6.424.000 đồng là tiền bán tang vật gồm: 30,66 m<sup>3</sup> đá học và một số dụng cụ tịch thu trong vụ việc VPHC của ông Nguyễn Văn D. Sau khi có kết quả trúng đấu giá các tang vật VPHC, đã được ông Trịnh Văn Q đưa vào chế biến làm vật liệu xây dựng. Như vậy, thực tế đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền **217.629.000đ**.

Cáo trạng số 26/CT-VKSHG-P1, ngày 13/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Vi Cảnh V và Phan Ngọc T về tội

“Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Cảnh V, đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo trình bày: Do đồng chí Trưởng phòng đơn vị bị cáo công tác đi học cao cấp lý luận chính trị, bị cáo được nhận bàn giao công việc và chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động công tác lãnh đạo của phòng, nên rất nhiều công việc phải làm; dẫn tới trong quá trình thực hiện việc bán đấu giá tài sản bị cáo đã không nghiên cứu hết văn bản, do đó đã không thực hiện đúng trong việc tham mưu cho UBND huyện ban hành văn bản về định giá tài sản đối với tang vật VPHC là khoáng sản bị thu giữ; quá trình điều hành tổ chức định giá tài sản với vai trò là Chủ tịch Hội đồng đã không làm đúng quy định; động cơ mục đích bị cáo cùng với bị cáo T thực hiện việc định giá tài sản với giá trị thấp hơn so với Biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự là để việc bán đấu giá tài sản được thuận lợi nhanh chóng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được UBND huyện Y giao cho, không phải thực hiện lại nhiều lần. Bị cáo nhất trí Kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh xác định về số tiền do định giá không đúng quy định đã gây thiệt hại cho NSNN là **217.629.000đ**; nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Ngọc T xác nhận và trình bày: Toàn bộ diễn biến quá trình thực hiện định giá tài sản ngày 29/10/2021 và ngày 15/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản đối với tang vật VPHC bị thu giữ đúng như lời khai của bị cáo V trình bày tại phiên tòa. Tuy nhiên, do công việc quá nhiều, bản thân bị cáo không kịp nghiên cứu hết văn bản quy định về định giá tài sản đối với tang vật VPHC bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước, dẫn tới vi phạm pháp luật. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về thành phần HĐĐG tài sản trong tố tụng hình sự và Hội đồng định giá tài sản đối với tang vật VPHC bị tịch thu chưa đảm bảo đúng quy định, vì các thành viên này đều chưa có chứng chỉ hành nghề về định giá, cũng như bản thân bị cáo chưa có chứng chỉ hành nghề về chuyên ngành, nên chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham gia là thành viên của Hội đồng định giá. Do đó, 02 Kết luận định giá tài sản đều không chính xác. Bị cáo nhất trí Kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh xác định về số tiền gây thiệt hại cho NSNN là 217.629.000đ; nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh truy tố bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Nguyễn Đình D, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho các bị cáo để cho các bị cáo được trở lại nơi công tác; đề nghị tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 217.629.000đ các bị cáo và người liên quan nộp khác phục hậu quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang S và Cán Xuân H trình bày: Do các ông không có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về xác định tang vật VPHC là chủng loại hàng hoá gì; do tin tưởng bị cáo V là Chủ tịch hội đồng định giá, bị cáo T có trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực xây

dụng, xác định các loại đá; nên khi bị cáo T tự phân loại tang vật VPHC bị thu giữ ra làm 03 loại (đá học, loại đá lớn hơn đá học, đá dăm) các ông tin tưởng về nghiệp vụ chuyên môn nên đã ký vào Biên bản định giá; ông S, ông C xác định không được Chủ tịch hội đồng định giá đưa đến hiện trường để kiểm tra tang vật cần định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ tài liệu luận tội các bị cáo, phân tích về tính chất vụ án, mức độ, vai trò thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vi Cảnh V từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; giao bị cáo V cho Phòng Tài nguyên & Môi trường, cùng chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Ngọc T từ 30 đến 36 tháng Cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập hằng tháng đối với bị cáo từ 5% đến 10 %.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự; cấm các bị cáo Vi Cảnh V và Phan Ngọc T đảm nhiệm các chức vụ quản lý với thời hạn từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46 Bộ luật Hình sự; tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền **217.629.000đ** hiện nay đã chuyển sang Cục Thi hành án dân sự.

4. Án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Phản tranh luận: Các bị cáo, đại diện theo uỷ quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với nội dung luận tội và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang,

*Lời nói sau cùng:* Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, nguyên nhân các bị cáo thực hiện không đúng quy trình, quy định của pháp luật trong quá trình định giá tài sản cũng xuất phát từ công việc của phòng nói chung và công việc của cá nhân được giao nói riêng là quá nhiều; nên các bị cáo không có thời gian để nghiên cứu các văn bản, dẫn tới thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Đề nghị xét xử các bị cáo với mức án thấp nhất để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình. Bị cáo Vi

Cảnh V, trình bày đã bị tạm giam với thời gian được 07 tháng, trong thời đó bị cáo đã suy nghĩ và rất hối hận về hành vi vi phạm của mình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác được Tòa án triệu tập; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, lời khai của đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, Biên bản định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Căn cứ Quyết định xử phạt VPHC số 1597/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang đối với ông Trịnh Văn Q, tại Điều 3 có quy định, chuyên UBND huyện Y xử lý tang vật tịch thu sung quỹ Nhà nước là 2.474,7 m<sup>3</sup> (đá vôi); Kết luận giám định số 06/KV0702020 của Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất và Công văn số 48/TĐC-TTKTTĐC của Chi Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Hà Giang xác định mẫu khoáng vật ký hiệu A là đá vôi (Canxít - CaCO<sub>3</sub> khoáng 92-94%; Kết luận số 10/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2020 về định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Y xác định: Tang vật 2.474,7m<sup>3</sup> đá hộc có giá trị là **371.205.000 đồng**; Văn bản số 1687/SXD-TTR ngày 15/11/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Hà Giang kết luận: Đá xây dựng (Đá hộc, đá chèn...) có nguồn gốc từ đá hoa, đá vôi (hàm lượng CaCO<sub>3</sub> nhỏ hơn 85% đã được gia công đẽo, cắt, gọt thành sản phẩm); trường hợp do phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Y đã xác định được khai thác, gia công, chế biến từ nơi khai thác và đã được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Giang xác định là đá vôi, thì xác định đá hộc đó có nguồn gốc từ đá vôi và cùng là một loại khoáng sản.

[4] Bị cáo Vi Cảnh V - Nguyên là Phó trưởng Phòng TN&MT huyện Y, trong thời gian năm 2020 - 2021 được giao nhiệm vụ tham mưu, xử lý tang vật tịch thu sung quỹ Nhà nước trong vụ việc VPHC của ông Trịnh Văn Q; quá trình

thực hiện nhiệm vụ, bị cáo Vi Cảnh V đã không xây dựng Phương án xử lý tang vật để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện; trực tiếp tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 và Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 thành lập Hội đồng định giá tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước không đúng thẩm quyền; với vai trò là Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản, bị cáo đã chủ trì cuộc họp định giá tài sản không đúng nguyên tắc, không khách quan, nhất trí với ý kiến của bị cáo T về phân loại tài sản không có căn cứ, không đúng thực tế; mặc dù, trước đó bị cáo đã được tham gia là thành viên của tổ công tác thu mẫu vật giám định tang vật VPHC; biết rõ tang vật 2.474,7 m<sup>3</sup> đá vôi đã được Hội đồng định giá trong TTHS huyện Y Kết luận số 10/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2020 xác định là loại đá học, có giá trị là **371.205.000đ**, nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trái công vụ, không tuân thủ đúng quy định của pháp luật; không tổ chức cho các thành viên Hội đồng định giá đến hiện trường để kiểm tra tang vật VPHC khi định giá lại, dẫn đến các thành viên trong Hội đồng định giá tài sản đã nhất trí với khối lượng, chủng loại tang vật do bị cáo V và bị cáo T đưa ra; gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền **217.629.000đ**.

[5] Bị cáo Phan Ngọc T - Nguyên là Phó trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Y; quá trình thực hiện nhiệm vụ là thành viên Hội đồng định giá tài sản là tang vật tịch thu sung ngân sách Nhà nước, với tư cách đại diện cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng; bản thân bị cáo là người có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực khoáng sản là vật liệu xây dựng thông thường đá học (*Đá vôi*), trước đó đã trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ lập biên bản xác định khối lượng, chủng loại đối với số tài sản là tang vật bị tạm giữ nêu trên, do Cơ quan CSĐT Công an huyện Y yêu cầu trong quá trình điều tra, xác minh vụ việc khai thác khoáng sản trái phép của ông Trịnh Văn Q; nhưng bị cáo Phan Ngọc T đã không căn cứ vào kết quả giám định của Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất và Chi Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Hà Giang xác định tang vật vi phạm là đá vôi (đá học); bị cáo trực tiếp đưa ra phương pháp phân loại tang vật vi phạm là đá học 2.474,7 m<sup>3</sup> thành 03 loại không có căn cứ, để hạ giá trị tài sản; trong đó: Loại đá học chiếm tỷ lệ 30% có khối lượng tương đương 742,4 m<sup>3</sup> x 150.000 đồng = 111.360.000 đồng, loại đá lớn hơn đá học chiếm tỷ lệ 30% có khối lượng tương đương 742,4 m<sup>3</sup> x 73.000 đồng = 54.195.200 đồng, loại đá dăm lẫn đất chiếm tỷ lệ 40% có khối lượng tương đương 989,9 m<sup>3</sup> = 0 đồng; tổng trị giá tang vật VPHC định giá lại là **150.707.200 đồng**; kết quả bán đấu giá tài sản tang vật VPHC khối lượng 2.474,7m<sup>3</sup> đá học được số tiền là 153.576.000 đồng; dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là **371.205.000đ - 153.576.000 đồng = 217.629.000 đồng**.

[6] Về đề nghị xem xét thành phần Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của bị cáo Phan Ngọc T tại phiên tòa, xét thấy: Sau khi Cơ quan CSĐT Công an huyện Y lập biên bản về hành vi vi phạm khai thác khoáng sản của ông Trịnh Văn Q, Cơ quan CSĐT đã tiến hành lấy các mẫu yêu cầu giám định về chủng loại tang vật vi phạm; sau khi có kết quả giám định đã tiến hành tổ chức định giá tài sản là tang vật vi phạm với thành phần Hội đồng định giá theo Quyết



định số 1545/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND huyện Y về Thành lập Hội định giá tài sản trong tổ tụng hình sự; quá trình định giá, Hội đồng định giá đã cử thành viên đến hiện trường đo đạc tang vật vi phạm có sự phối hợp và chứng kiến của UBND xã S, huyện Y; sau đó mới tiến hành tổ chức họp Hội đồng định giá, quá trình định giá đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 15 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự về: Nguyên tắc định giá tài sản; Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động định giá tài sản trong tổ tụng hình sự; Thành phần của Hội đồng định giá, căn cứ định giá tài sản; Điều 101 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về Kết luận định giá tài sản.

[7] Về đề nghị xem xét xác định khối lượng, tình trạng tang vật VPHC trên thực tế không đúng như Biên bản: Căn cứ vào Biên bản làm việc xác minh khối lượng vật liệu xây dựng vi phạm ngày 04/7/2020 do Cơ quan CSĐT Công an huyện Y yêu cầu; trong đó có bị cáo Phan Ngọc T trực tiếp tham gia để đo đạc khối lượng tang vật vi phạm do ông Trịnh Văn Q khai thác tại xã S, huyện Y xác định đá hộc tại thôn H A: Khu vực 1 là 167m<sup>3</sup>, khu vực 2 là 1.837m<sup>3</sup>; thôn H C là 470,7m<sup>3</sup>. Tổng khối lượng là 2.474,7m<sup>3</sup> phù hợp với khối lượng tang vật VPHC là **2.474,7m<sup>3</sup>** bị cáo T tự phân ra làm 03 loại: Đá hộc tỷ lệ 30% khối lượng 742,4 m<sup>3</sup>; loại đá lớn hơn đá hộc tỷ lệ 30% khối lượng tương đương 742,4 m<sup>3</sup>; loại đá dăm lẫn đất tỷ lệ 40% khối lượng tương đương 989,9 m<sup>3</sup>. Do đó, Kết luận số 10/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2020, về định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận khối lượng tang vật vi phạm đá hộc là 2.474,7 m<sup>3</sup> đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, tang vật VPHC đã được Trung tâm bán đấu giá tài sản của tỉnh tổ chức bán đấu giá và ông Trịnh Văn Q là người trúng đấu giá tài sản, ông Q đưa khối lượng 2.474,7 m<sup>3</sup> đá hộc vào chế biến, sử dụng làm VLXD, không còn nguyên vẹn.

[8] Các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có chức vụ, quyền hạn, có kinh nghiệm trong công tác; nhận thức được rõ việc phân loại tang vật VPHC bị tịch thu để hạ thấp giá thành tang vật nộp ngân sách Nhà nước không có căn cứ là vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước; song với động cơ, mục đích (*Muốn việc bán đấu giá tài sản được thuận lợi nhanh chóng, các bị cáo sớm hoàn thành tốt nhiệm vụ được UBND huyện Y giao, không phải thực hiện lại nhiều lần*); các bị cáo bất chấp pháp luật, đã cố ý thực hiện hành vi trái công vụ, không đúng nguyên tắc, không khách quan, phân loại tài sản không có căn cứ theo quy định của pháp luật. Bị cáo Vi Cảnh V đã tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành 02 Quyết định trái thẩm quyền, vi phạm khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 6, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 5/3/2018 của Chính Phủ; quá trình tiến hành phiên họp định giá lại tài sản ngày 15/01/2021, với vai trò là Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản, bị cáo đã thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao theo quy định Chủ tịch hội đồng có nhiệm vụ: Chỉ đạo chung hoạt động của Hội đồng, điều hành và phân công nhiệm vụ cho các thành viên, chuẩn bị nội dung liên quan đến định giá tài sản, chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền

thành lập hội đồng định giá về hoạt động của Hội đồng định giá, nhưng bị cáo đã không tổ chức hoặc cử các thành viên đi kiểm tra thực tế tài sản, cùng thống nhất nội dung với bị cáo T về phân loại tài sản bị tịch thu làm 03 loại để hạ thấp giá trị tài sản. Bị cáo Phan Ngọc T đã tự ý đưa ra phương pháp phân loại tài sản VPHC bị tịch thu làm 03 loại không có căn cứ là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tài sản bị hạ giá thành. Hành vi của các bị cáo V, T đã vi phạm Điều 6, Điều 7 Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính; dẫn chiếu điểm a mục 5 Điều 6, Điều 8 Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về xác định giá khởi điểm của tài sản Nhà nước; gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền **217.629.000đ**.

[9] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; đã trực tiếp xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức, làm cho các cơ quan tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T đã phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng*”.

[10] Vai trò của các bị cáo trong thực hiện hành vi phạm tội: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, thực hiện theo chức năng nghiệp vụ chuyên môn của từng người. Bị cáo Vi Cảnh V là người trực tiếp tham mưu cho UBND huyện ban hành 02 quyết định về thành lập Hội đồng định giá tài sản trái thẩm quyền, là Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản, thực hiện không đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật được xác định là người giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo Phan Ngọc T, trực tiếp đưa ra phương pháp phân loại tài sản bị tịch thu theo chủ quan, không có căn cứ, được xác định với vai trò là người đồng phạm; do đó phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện; cần áp dụng Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự về căn cứ quyết định hình phạt và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[11] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[12] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T, quá trình điều tra đã nhận thức rõ sai phạm, tích cực phối hợp với Cơ quan CSĐT để điều tra vụ án được nhanh chóng; thành khẩn khai báo, ăn hối cải; chủ động khắc phục hậu quả; quá trình công tác luôn có ý thức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nhiều thành tích trong công tác, nhiều năm đạt danh hiệu lao động tiên tiến, được tặng thưởng nhiều giấy khen; quá trình điều tra và tại phiên, đại diện theo ủy quyền của bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất để các bị cáo có cơ hội trở lại cơ quan, đơn vị công tác; bị cáo V có ông Ngoại là ông Hoàng Văn N được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huân chương, bị cáo Phan Ngọc T có bố mẹ đẻ là ông Phan Thanh T và

bà Cao Thị D là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, hạng Nhì và được tặng Huy chương vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hà Giang là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Vi Cảnh V trong quá trình công tác được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua, Bằng khen của các cấp, là tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vi Cảnh V lần đầu tiên được phân công với vai trò là Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản VPHC, tham gia định giá về khoáng sản; bị cáo Phan Ngọc T lần đầu tham gia định giá tang vật VPHC là khoáng sản, nên các bị cáo chưa có kinh nghiệm thực tiễn; khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo.

[13] Về hình phạt chính: Bị cáo V có 05 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 3 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 4 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

[14] Đối với bị cáo Vi Cảnh V, đã bị tạm giam từ ngày 24/9/2021 đến ngày 20/4/2022 với thời gian là 06 tháng 26 ngày, cũng đủ thời gian để bị cáo suy nghĩ và hối hận về hành vi phạm tội của mình mà tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân; bị cáo có nơi cư trú và nơi làm việc rõ ràng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tại phiên tòa bị cáo xin hứa quyết tâm sửa chữa lỗi lầm của mình đã gây ra. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách để bị cáo tự cải tạo tại địa phương và gia đình, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà tu dưỡng rèn luyện bản thân trong thời gian thử thách; cũng như tạo điều kiện, cơ hội để bị cáo phấn đấu trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[15] Bị cáo Phan Ngọc T, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nơi cư trú và nơi làm việc ổn định; xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự về cải tạo không giam giữ cũng bảo đảm tính răn đe riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[16] Hình bổ sung: Tại khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, xét thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều là những người có chức vụ quyền hạn; cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T về cấm đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý về kinh tế với

thời hạn nhất định, kể từ khi chấp hành xong bản án. Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[17] Trong vụ án này, còn có những người liên quan trong Hội đồng định giá tài sản là tang vật VPHC: Căn cứ vào việc phân tích đánh giá về chủng loại, giá trị tài sản của bị cáo Phan Ngọc T; các thành viên ông Nguyễn Quang S, Cán Xuân H, chưa biết về tài sản nhưng đã tin tưởng, vì biết trước đó bị cáo V và bị cáo T đã biết về tài sản, được tham gia thực hiện nhiệm vụ xác định khối lượng, chủng loại khoáng sản và thu mẫu vật giám định trong quá trình điều tra, xác minh vụ việc của Cơ quan CSĐT Công an huyện Y; bị cáo V và bị cáo T là những người có kiến thức chuyên môn, hiểu biết trong lĩnh vực khoáng sản (*Vật liệu xây dựng thông thường*) nên ông S, ông H đã đồng ý theo ý kiến của bị cáo Phan Ngọc T đưa ra và ký xác nhận vào Biên bản họp định giá tài sản. Đối với ông Hoàng Văn V là cán bộ điều tra, nắm bắt được tang vật VPHC, tuy nhiên do không có chuyên môn về nghiệp vụ, nên không nắm được việc xác định đá hộc có thể phân loại ra thành nhiều chủng loại đá khác nhau hay không, nên cũng tin tưởng vào trình độ chuyên môn nghiệp vụ về khoáng sản và vật liệu xây dựng của các bị cáo V, T và ký xác nhận vào Biên bản họp định giá tài sản. Hành vi ký xác nhận vào Biên bản định giá tài sản của các ông S, ông H, ông V dẫn đến gây thiệt hại cho Nhà nước; có dấu hiệu “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định: Hành vi sai phạm của các ông S, H, V được thực hiện với lỗi vô ý, gián tiếp gây hậu quả thiệt hại cho Nhà nước, số tiền không lớn, vì: Ông S, ông H, ông V đã thực hiện nhiệm vụ trên một quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản của Chủ tịch UBND huyện ban hành không đúng thẩm quyền, không đảm bảo tính pháp lý; mặt khác, từ khi được triệu tập đến khi tham gia họp định giá tài sản với thời gian quá ngắn, không đủ để nghiên cứu các quy định của pháp luật về lĩnh vực được giao; do tin tưởng trình độ nghiệp vụ chuyên môn của bị cáo T nên đã đồng ý với ý kiến của bị cáo T. Quá trình làm việc với cơ quan CSĐT các ông S, H, V đã nhận thức rõ hành vi sai phạm, thành khẩn khai báo, tích cực khắc phục hậu quả. Bản thân ông V, ông S, ông H đã bị xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng và Luật Công chức, viên chức nên Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý bằng pháp luật hình sự là thoả đáng.

[18] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã tạm giữ những tài sản, đồ vật, tài liệu và đã xử lý vật chứng trả lại cho các bị cáo, bị hại; tại phiên toà bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì. Vật chuyển sang Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang số tiền **217.629.000đ**; số tiền này các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại cho Nhà nước trong vụ việc xử lý VPHC tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với tang vật thu giữ là đá vôi (đá hộc); cần áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46 Bộ luật Hình sự, tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền **217.629.000đ**.

[19] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[20] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T về tội " Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phát biểu luận tội và đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, xử lý vật chứng, án phí đối với các bị cáo của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[21] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vi Cảnh V; xử phạt bị cáo **Vi Cảnh V 15 (Mười lăm)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vi Cảnh V cho UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo công tác và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Ngọc T; xử phạt bị cáo **Phan Ngọc T 30 (Ba mươi)** tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phan Ngọc T cho UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục; Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Y, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo công tác và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Phan Ngọc T phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ 5% thu nhập để sung quỹ Nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hằng tháng.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự; cấm các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý với thời hạn là 01 năm kể từ ngày các bị cáo chấp hành xong bản án.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, tuyên: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền **217.629.000đ** (*Hai trăm mười bảy triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng*).

*Đặc điểm, tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 10 năm 2022 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.*

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; các bị cáo Vi Cảnh V, Phan Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 01, PC 03, PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBKT huyện ủy Y;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV &THA - TAND tỉnh;
- Tổ HCTP - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Loan**

